TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/DS-ST
Ngày 24-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hoa
2. Bà Đặng Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Ngô Tuấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2026/TLST-DS ngày 06/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2026/QĐXX-ST ngày 05/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1962, CCCD:024162011364; có mặt
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975, CCCD: 024175018113; có mặt
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; có mặt
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án *nguyên đơn* trình bày:

Bà và bà N là hàng xóm, ngày 30/6/2019 bà có cho bà N vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn), khi vay có viết giấy vay tiền, tại giấy vay tiền thoả thuận thời hạn trả là ngày 30/6/2020, thoả thuận lãi là 10%/ tháng. Từ khi vay tiền bà N đã trả lãi từ khi vay đến tháng 30/10/2025. Đến nay bà yêu cầu bà N phải thanh toán trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2026 theo mức lãi xuất 1%/ tháng cho đến khi xét xử xong. Số tiền này bà yêu cầu một mình bà N phải trả cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà xác định bà có vay tiền bà B như giấy vay tiền ngày 30/6/2019. Năm 2019 do làm ăn bị thua lỗ, bị vỡ nợ nên bà đã đến nhà bà B để nói chuyện với bà B về việc xin trả gốc dần, không tính lãi nữa. Bà B đã đồng ý. Việc thỏa thuận giữa hai bên chỉ nói miệng, không có văn bản gì. Sau này mỗi lần bà B đến nhà đòi tiền thì bà đều trả một số tiền nhất định. Bà có nói với bà B là sau khi trả hết gốc sẽ trả thêm cho bà B 10.000.000 đồng cho đỡ thiệt thòi (vào khoảng thời gian gần Tết Nguyên đán) nhưng bà Bầu K nghe. Việc bà trả tiền dần cho bà B, bà không có tài liệu, chứng cứ gì mà chỉ có bà B ghi sổ. Bà xác định số tiền bà vay bà B chỉ liên quan đến cá nhân bà, không liên quan đến chồng bà. Bà xác định bà đã trả bà B được 45.600.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền 14.400.000 đồng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: ông là chồng của bà Vũ Thị B. Vợ ông là bà B có cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền là 60.000.000 đồng với lãi xuất là 10%/tháng. Việc bà B cho bà N vay tiền ông có được bà B thông qua và cho biết. Số tiền bà B cho bà N vay là tiền chung của vợ chồng.

Quá trình cho vay và thanh toán giữa bà B và bà N thế nào thì ông không nắm được vì việc kinh doanh, buôn bán và quản lý kinh tế trong gia đình ông hoàn toàn là do bà B đứng ra.

Nay bà N không trả được tiền vay và tiền lãi theo như hai bên thỏa thuận khi cho vay, nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B, yêu cầu bà N phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay trên từ 01/01/2026 dương lịch cho đến khi xét xử xong, theo mức 1%/ tháng. Ông hoàn toàn nhất trí với nội dung và yêu cầu mà bà B đã trình bày tại Tòa án và đồng ý để bà B đại diện cho ông đứng ra giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

Tại phiên toà các đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn C số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi là 3.460.000 đồng. Tổng cộng là 63.460.000 đồng.

Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bị đơn bà Nguyễn Thị N trú tại thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền theo giấy vay tiền, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/6/2019 bà B cho bà N vay tiền, hẹn đến ngày 30/6/2020 sẽ thanh toán trả tiền, đến ngày 30/6/2020 bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên từ ngày 30/6/2019 đến tháng 10/2025 bà N vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền lãi. Như vậy bà N đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với bà B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự để tính lại thời hiệu khởi kiện trong vụ án, do vậy ngày 13/3/2026 bà B khởi kiện vụ án yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà N phải trả số tiền đã vay theo giấy nhận tiền ngày 30/6/2019 là còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa bà Vũ Thị B1 và bà Nguyễn Thị N có mối quen hệ quen biết. Ngày 30/6/2019 bà B đã cho bà N vay số tiền là 60.000.000 đồng, khi vay tiền có viết giấy vay tiền, tại giấy vay tiền có thoả thuận về thời hạn trả và thoả thuận về lãi suất.

Từ khi vay đến tháng 10/2025 (âm lịch) bà N đã thanh toán trả được số tiền là 46.800.000 đồng, cụ thể:

1. Ngày 30/9/202019 trả 1.800.000 đồng
2. Ngày 30/12/2019 trả 1.800.000 đồng
3. Ngày 30/02/2020 trả 1.200.000 đồng
4. Ngày 30/4/2020 trả 1.200.000 đồng
5. Ngày 30/6/2020 trả 1.800.000 đồng
6. Ngày 29/9/2020 trả 1.200.000 đồng
7. Ngày 29/10/2020 trả 1.200.000 đồng
8. Ngày 29/12/2020 trả 1.200.000 đồng
9. Ngày 29/02/2021 trả 1.200.000 đồng
10. Ngày 29/5/2021 trả 1.800.000 đồng
11. Ngày 29/7/2021 trả 1.200.000 đồng
12. Ngày 29/9/2021 trả 1.200.000 đồng
13. Ngày 29/12/2021 trả 1.200.000 đồng
14. Ngày 08/02/2022 trả 1.200.000 đồng
15. Ngày 12/4/2022 (ngày 12/5/2022 dương lịch) trả 1.200.000 đồng
16. Ngày 06/5/2022 trả 1.200.000 đồng

17. Ngày 04/8/2022 trả 1.200.000 đồng
18. Ngày 04/10/2022 trả 1.200.000 đồng
19. Ngày 28/12/2022 trả 1.200.000 đồng
20. Ngày 08/02/2023 trả 1.200.000 đồng
21. Ngày 29/02/2023 (dư ngày 18/4/2023 dương lịch) trả 1.200.000 đồng
22. Ngày 29/4/2023 trả 1.200.000 đồng
23. Ngày 29/6/2023 trả 1.200.000 đồng
24. Ngày 29/8/2023 trả 1.200.000 đồng
25. Ngày 29/10/2023 trả 1.200.000 đồng
26. Tháng 12/2023 trả 1.200.000 đồng
27. Tháng 2/2024 trả 1.200.000 đồng
28. Tháng 4/2024 trả 1.200.000 đồng
29. Tháng 6/2024 trả 1.200.000 đồng
30. Tháng 8/2024 trả 1.200.000 đồng
31. Tháng 10/2024 trả 1.200.000 đồng
32. Tháng 12/2024 trả 1.200.000 đồng
33. Tháng 2/2025 trả 1.200.000 đồng
34. Tháng 4/2025 trả 1.200.000 đồng
35. Tháng 6/2025 trả 1.200.000 đồng
36. Tháng 8/2025 trả 1.000.000 đồng
37. Tháng 10/2025 trả 1.400.000 đồng

Toàn bộ số tiền đã trả được ghi vào mặt sau của giấy vay tiền ngày 30/6/2019, các lần trả tiền đều được ghi là trả tiền lãi, Tại lần trả tiền tháng 10/2025 có chữ ký xác nhận của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không thống nhất được ý kiến, Toà án đã tiến hành đối chất, kết quả đối chất: xác định số tiền vay là 60.000.000 đồng, xác định được chữ ký trong giấy vay tiền và chữ ký trong phần theo dõi trả tiền lãi là chữ ký của bà N, bà N xác nhận mỗi lần trả tiền như bà B ghi là đúng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 30/6/2019, bà Nguyễn Thị N có vay của bà Vũ Thị B số tiền 60.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền, thời hạn trả tiền là ngày 30/6/2020. Bị đơn thừa nhận chữ ký và việc vay tiền theo giấy vay nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N cho rằng đã được bà B đồng ý cho trả dần tiền gốc và không tính lãi nữa. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận này. Mặt khác, tại mặt sau giấy vay tiền thể hiện từ ngày 30/9/2019 đến tháng 10/2025 bà N đã nhiều lần giao tiền cho bà B với tổng số tiền 46.800.000 đồng và đều được ghi nhận là tiền lãi và tại lần thanh toán tháng 10/2025 có chữ ký xác nhận của bà N. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà N về việc các bên đã thỏa thuận miễn lãi và chuyển

sang trả dần tiền gốc. Bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền gốc nên không có căn cứ khấu trừ số tiền đã trả vào khoản nợ gốc. Vì vậy, xác định đến nay bà N vẫn còn nợ bà B số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

Từ những căn cứ trên xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 30/6/2019 thể hiện bà N vay của bà B số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/6/2020, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, các bên thực tế thanh toán lãi theo mức 1%/tháng và bà N đã trả lãi đến hết tháng 10/2025. Mức lãi suất 1%/tháng tương đương 12%/năm, không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được công nhận. Đến hạn, bà N không thanh toán khoản nợ gốc 60.000.000 đồng. Nay bà B yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2026 đến ngày xét xử theo mức 1%/tháng trên số tiền gốc chưa trả, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Cụ thể như sau: 60.000.000 đồng x 1%/ tháng x 05 tháng 23 ngày = 3.460.000 đồng.

Như vậy số tiền bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn C là 60.000.000 đồng + 3.460.000 đồng = 63.460.000 đồng.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị B được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Cụ thể bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 63.460.000 đồng x 5% = 3.173.000 đồng

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 429, Điều 271, Điều 273 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B

2. Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn C số tiền 63.460.000 đồng (*sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi*

nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi là 3.460.000 đồng (*ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.173.000 đồng (*ba triệu một trăm bảy ba nghìn đồng chẵn*) tiền án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND khu vực 2 -Bắc Ninh;
-Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Tuyết